

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Quyên.

2. Ông Lê Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Hậu –Kiểm sát viên

Trong các ngày 03-5 và ngày 13-5-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Bích L**, sinh năm 1995 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.**

2. Bị đơn: **Hà Thanh T**, sinh năm 1997 (vắng mặt lần 2 không có lý do).

Địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-01-2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Trần Thị Bích L** trình bày: Năm 2019, chị **Bích L** và anh **T** có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại **UBND xã T** Cơ ngày 21-01-2019. Trong quan hệ hôn nhân có 01 con chung tên **Hà Trần Phúc T1**, sinh ngày 20-4-2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 11 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống và chị **Bích L** với anh **T** ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Nay chị **Bích L** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Bích L** yêu cầu được ly hôn với anh **Hà Thanh T**.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Hà Trần Phúc T1**, sinh ngày 20-4-2019. Nay ly hôn, chị **Bích L** yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Hà Thanh T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Bích L** và anh **Hà Thanh T** được ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Hà Trần Phúc T1**, sinh ngày 20-4-2019.

Đối với con chung tên **Hà Trần Phúc T1** thì giao cho chị **Trần Thị Bích L** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh **Hà Thanh T** có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Hà Thanh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị Bích L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Hà Thanh T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích như trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Hà Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mà vẫn vắng tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Thanh T tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích L và anh Hà Thanh T có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T Cơ ngày 21-01-2019. Do đó, hôn nhân giữa chị Bích L và anh T là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Bích L xin ly hôn với anh T vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh T đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình nộp cho Tòa án, điều đó cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Bích L. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của bà Đỗ Thị Thanh Y là mẹ ruột của anh T là giữa anh T và chị L

có mâu thuẫn từ cuối năm 2019 vì anh T thường hay say xỉn, anh T cũng không có động thái hàn gắn tình cảm với chị L.

Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Bích L và anh Hà Thanh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chung sống cũng không hạnh phúc nên chị Trần Thị Bích L yêu cầu ly hôn với anh Hà Thanh T là có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bích L.

[2.2] Về con chung: Chị Bích L và anh T có 01 con chung tên Hà Trần Phúc T1, sinh ngày 20-4-2019. Từ khi chị Bích L và anh T ly thân từ tháng 11 năm 2019 thì cháu Phúc T1 vẫn chung sống cùng chị Bích L hiện cháu Phúc T1 vẫn đang khỏe mạnh, phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất và để cháu Phúc T1 có cuộc sống ổn định, đảm bảo được quyền và hợp pháp cho cháu Phúc T1. Do đó, cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao cháu Phúc T1 cho chị Trần Thị Bích L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị Bích L không yêu cầu và anh T cũng không tự nguyện.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị Trần Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn

nhân và gia đình sơ thẩm; anh **Hà Thanh T** không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **Trần Thị Bích L**.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Trần Thị Bích L** và anh **Hà Thanh T** được ly hôn.

2. Về con chung: Chị **Trần Thị Bích L** được tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Hà Trần Phúc T1**, sinh ngày 20-4-2019. Anh **Hà Thanh T** được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh **T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **Bích L** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **T**.

3. Về cấp dưỡng: Chị **Trần Thị Bích L** không yêu cầu anh **T** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh **T** cũng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Bích L** và anh **T** không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị **Trần Thị Bích L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0000656 ngày 22-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; chị **Trần Thị Bích L** đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh **Hà Thanh T** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13-5-2024). Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Hương

